TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 652/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 14 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 51, 53, 54, 55, 57, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 761/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Bùi Đình P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Bùi Đình P và bà Phạm Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 Quyển số 01/95 ngày 08/4/1995, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Đời sống hôn nhân không hạnh phúc, ông P và bà T nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Ngày 05/6/2019, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành hòa giải để vợ chồng ông P, bà T đoàn tụ, kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn; đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung; việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sác, giáo dục con.

[3] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản chung, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Bùi Đình P và bà Phạm Ngọc T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 03 Quyển số 01/95 ngày 08/4/1995 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Bùi Minh Đ, sinh ngày 23/12/1995 (đã trưởng thành), Bùi Minh G, sinh ngày 10/4/2005 và Bùi Minh T, sinh ngày 30/01/2007. Ông P và bà T thỏa thuận giao 02 trẻ Minh G và Minh T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông P và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông P và bà T xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông P và bà T chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông P và bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0022071 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông P và bà T đã nộp đủ lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Sơn Hà